



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản*

Tháng 4

Số 25 (01/4/2010)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

- |           |                                                                                                                                                                |    |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 18-3-2010 | Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định về khuyến khích đầu tư bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.                            | 2  |
| 19-3-2010 | Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. | 11 |

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

- |           |                                                                                                                  |    |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| 17-3-2010 | Chỉ thị số 02/2010/CT-UBND về công tác ứng phó bão đổ bộ vào địa bàn quận 4.                                     | 33 |
| 17-3-2010 | Chỉ thị số 03/2010/CT-UBND về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn quận 4. | 36 |

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

15-3-2010 - Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Phú. 42

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về khuyến khích đầu tư bến bãi  
vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 06/TTr-SGTVT ngày 18 tháng 01 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về khuyến khích đầu tư bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười (10) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 83/2006/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về khuyến khích đầu tư bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; bãi bỏ các quy định khác của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này. Các dự án đầu tư bến bãi đường bộ đã có chủ trương đầu tư trước ngày ban hành Quyết định này cũng được hỗ trợ theo quy định ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Về khuyến khích đầu tư bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND  
ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Mục đích**

Quy định khuyến khích đầu tư bến bãi vận tải đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhằm thúc đẩy phát triển nhanh và quản lý tốt quá trình đầu tư hệ thống bến bãi vận tải trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bằng các chính sách khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư xây dựng, cung ứng dịch vụ bến bãi vận tải.

#### **Điều 2. Đối tượng, phạm vi áp dụng**

1. Quy định này áp dụng cho các doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật (sau đây gọi là nhà đầu tư) có đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực bến bãi vận tải đường bộ khi tiến hành đầu tư các bến, bãi vận tải đường bộ được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

2. Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư các bến bãi vận tải đường bộ tham gia đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, Hợp đồng xây dựng - chuyển giao theo danh sách các bến bãi vận tải đường bộ được công bố kêu gọi đầu tư hàng năm, kể cả các bãi đậu xe ngầm dưới mặt đất.

3. Các trường hợp đầu tư, khai thác sau đây không thuộc diện đối tượng áp dụng của Quy định này:

a) Các bãi đậu xe thuộc các ngành công an, quốc phòng sử dụng cho mục đích an ninh, quốc phòng;

b) Các bãi đậu xe chỉ phục vụ nội bộ trong khuôn viên các cơ quan hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp.

### **Điều 3. Chức năng và vị trí bến bãi vận tải đường bộ**

1. Bến xe khách liên tỉnh là địa điểm có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách đi và đến trên các tuyến cố định, từ thành phố Hồ Chí Minh đến các địa phương khác trên cả nước; được bố trí trên các trục cửa ngõ chính ra vào thành phố.

2. Bến xe khách nội tỉnh là đầu mối trung chuyển khách đi xe buýt, nơi đón, trả khách, tiếp chuyển khách của các tuyến xe buýt và các phương thức vận tải khác.

3. Bến xe tải và trung chuyển hàng hóa là địa điểm lưu đậu xe tải và cung ứng dịch vụ kho bãi, trung chuyển hàng hóa đường bộ; được bố trí bên ngoài hoặc trên tuyến đường vành đai thành phố.

4. Bãi đậu xe nội đô thành phố là địa điểm làm dịch vụ cung ứng chỗ đậu và giữ hộ xe ô tô (có thể dành một phần diện tích nhỏ để giữ hộ mô tô, xe gắn máy hoặc thương mại dịch vụ khác), gồm các loại như nhà đậu xe cao tầng, bãi đậu xe trên mặt đất; trên địa bàn các quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Gò Vấp, Tân Bình và Tân Phú.

5. Bãi đậu xe tại cửa ngõ thành phố là địa điểm làm dịch vụ cung ứng chỗ đậu và giữ hộ xe ô tô, mô tô, xe gắn máy tại các cửa ngõ để khách chuyển sang sử dụng phương tiện vận tải công cộng vào thành phố, hạn chế lưu lượng xe vào nội đô; được bố trí nằm trên các trục đường chính (quốc lộ, tỉnh lộ) tại địa bàn các quận 12, Bình Tân, Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Nhà Bè, Cần Giờ và Bình Chánh.

6. Bãi kỹ thuật cho các phương tiện vận tải hành khách, hàng hóa để lưu đậu, sửa chữa, bảo dưỡng xe; được bố trí ở khu vực ngoại thành, gần đầu, cuối hành trình hoặc gần các đầu mối giao thông thuộc các đường vành đai của thành phố.

### **Điều 4. Quản lý nhà nước**

Các nhà đầu tư tham gia đầu tư và khai thác bến bãi vận tải đường bộ phải tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về đầu tư, khuyến khích đầu tư trong nước và các quy định chuyên ngành.

## **Chương II**

### **QUY HOẠCH BẾN BÃI VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ**

### **VÀ ĐIỀU KIỆN THAM GIA ĐẦU TƯ**

### **Điều 5. Quy hoạch bến bãi vận tải đường bộ**

1. Quy hoạch sử dụng đất dành riêng cho bến bãi vận tải đường bộ phải gắn liền với các quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được duyệt, đảm bảo quỹ đất để khuyến khích đầu tư.

2. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành chức năng của thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện lập quy hoạch chi tiết (ngắn hạn và dài hạn) về bến bãi vận tải đường bộ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và công bố để các nhà đầu tư biết, tham gia đầu tư, khai thác.

3. Đối với các bãi đậu xe ở nội đô và các cửa ngõ thành phố, ngoài các điểm được quy hoạch, nhà đầu tư có thể đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chấp thuận cho đầu tư tại các vị trí khác nếu xét thấy phù hợp với cảnh quan khu vực, không gây ách tắc giao thông, không làm ảnh hưởng đến việc phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác. Nhà đầu tư tự thu xếp để sử dụng đất hợp pháp cho bến bãi vận tải đường bộ theo quy hoạch công bố hoặc sử dụng đất thuộc sở hữu của mình.

#### **Điều 6. Điều kiện tham gia đầu tư**

Để tham gia đầu tư, nhà đầu tư phải:

1. Có đăng ký kinh doanh ngành nghề theo đúng nội dung đầu tư.
2. Địa điểm đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố hoặc ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản; nếu cùng một địa điểm đầu tư là đất do Nhà nước quản lý và có từ 02 (hai) nhà đầu tư trở lên đăng ký tham gia thì phải tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.
3. Có ít nhất 30% vốn đầu tư thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án và thu xếp đủ số vốn đầu tư còn lại.
4. Đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật về xây dựng bến bãi, trong đó tỷ lệ diện tích sử dụng làm bãi đậu xe đạt tối thiểu 70% quy mô bến bãi và tổ chức giao thông của bến bãi phải kết nối phù hợp với hệ thống giao thông khu vực; riêng đối với bến xe khách liên tỉnh, tùy theo quy mô diện tích, phải bố trí một diện tích đất phù hợp để làm bến đầu mối trung chuyển khách đi xe buýt, tối thiểu từ 1.000m<sup>2</sup> đến 2.000m<sup>2</sup>.
5. Hoạt động đầu tư, kinh doanh theo đúng mục tiêu mục đích đầu tư; sử dụng đất theo đúng quy định chuyên ngành bến bãi vận tải đường bộ.

#### **Điều 7. Thủ tục đầu tư**

Thủ tục đầu tư được tiến hành theo ba bước:

Bước 1: Nhà đầu tư phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận địa điểm đầu tư hoặc cho phép đầu tư bằng văn bản theo quy định hiện hành và theo đúng thời gian được quy định, nhưng không được quá 30 (ba mươi) ngày làm việc; đồng thời thực hiện việc đăng ký ngành nghề kinh doanh bến bãi vận tải đường bộ theo đúng mục tiêu đầu tư.

Bước 2: Sau khi có văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định, nhà đầu tư phải tiến hành lập Dự án đầu tư xây dựng công trình trong vòng 180 (một trăm tám mươi) ngày; nếu quá thời gian này, nhà đầu tư phải có văn bản báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư gia hạn thêm 90 (chín mươi) ngày nữa; trường hợp quá thời gian gia hạn thì văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư hoặc cho phép đầu tư sẽ hết hiệu lực thực hiện.

Bước 3: Nhà đầu tư nộp hồ sơ đầu tư theo quy định tại Điều 8 Quy định này cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi được phân công, ủy quyền thực hiện hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận đầu tư để Nhà đầu tư có cơ sở triển khai thực hiện đầu tư.

### **Điều 8. Hồ sơ đầu tư**

1. Trường hợp sử dụng nguồn vốn nhà nước: Thực hiện quản lý dự án đầu tư và xây dựng theo các quy định hiện hành;
2. Trường hợp sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Hồ sơ gồm có:
  - a) Văn bản đề nghị của nhà đầu tư tham gia dự án bến bãi vận tải đường bộ;
  - b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký ngành nghề kinh doanh bến bãi vận tải đường bộ;
  - c) Dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo:
    - Văn bản chấp thuận địa điểm đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định;
    - Văn bản thỏa thuận của Sở Giao thông vận tải về phương án tổ chức giao thông phù hợp với hệ thống giao thông khu vực;
    - Văn bản thẩm định Thiết kế cơ sở dự án đầu tư của Sở Giao thông vận tải;
  - d) Năng lực tài chính: Nhà đầu tư chứng minh nguồn tài chính thực hiện dự án thông qua văn bản:
    - Báo cáo tài chính của chủ đầu tư có xác nhận của tổ chức kiểm toán trong 02 (hai) năm gần nhất (đối với doanh nghiệp đang hoạt động trên 02 năm);



- Trường hợp doanh nghiệp mới thành lập thì phải có báo cáo thực hiện góp vốn hoặc biên bản cam kết góp vốn của các thành viên trong công ty kèm theo chứng từ chứng minh vốn góp và chịu trách nhiệm về nội dung các báo cáo này;

- Văn bản của tổ chức tín dụng thỏa thuận cho vay vốn để thực hiện dự án đầu tư.

### **Chương III**

## **CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ VÀ NGHĨA VỤ, QUYỀN LỢI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 9. Nghĩa vụ của nhà đầu tư**

1. Đảm bảo thời gian đầu tư theo tiến độ đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước. Dự án đầu tư phải được khởi công xây dựng trong vòng 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền chấp thuận đầu tư dự án theo quy định tại Điều 7 Quy định này thông qua Giấy chứng nhận đầu tư; quá thời hạn trên, nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép gia hạn bằng văn bản, dự án đương nhiên không còn giá trị thực hiện.

2. Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ được quy định theo pháp luật đầu tư hiện hành tại Việt Nam, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong và sau đầu tư.

3. Không sử dụng các bên bãi đường bộ đã đầu tư theo bản Quy định này vào mục đích khác, trái với mục đích của dự án.

#### **Điều 10. Quyền lợi của nhà đầu tư**

1. Được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư theo pháp luật đầu tư hiện hành tại Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Được cấp giấy chứng nhận đầu tư có ghi số vốn vay được hỗ trợ, lãi vay hỗ trợ và thời gian hưởng hỗ trợ của nhà đầu tư được ưu đãi theo khoản 6 Điều này.

3. Được khai thác bên bãi vận tải đường bộ theo thời hạn quy định, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với các địa điểm được quy hoạch làm bãi đậu xe là đất do nhà nước quản lý, nhà đầu tư có thể thuê đất để xây dựng bên bãi vận tải đường bộ theo đơn giá hiện hành của thành phố và không được hỗ trợ lãi vay.

4. Được miễn nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng bên bãi vận tải đường bộ trong thời hạn được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận đầu tư.

5. Trong trường hợp vị trí bến bãi chưa có đường giao thông ra vào, sau khi nhà đầu tư thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng cho dự án và bàn giao phần diện tích đất để xây dựng đường, nhà nước sẽ đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông và hoàn trả chi phí bồi thường giải tỏa phần diện tích đất làm đường cho nhà đầu tư.

6. Chính sách hỗ trợ lãi vay của thành phố:

Các dự án hoàn thành đưa vào vận hành, khai thác trước năm 2016, nhà đầu tư được ngân sách thành phố hỗ trợ lãi vay trong thời gian vay vốn nhưng tối đa không quá 10 (mười) năm như sau:

a) Hỗ trợ 10%/năm đối với các dự án đầu tư xây dựng bãi kỹ thuật hậu cần cho xe buýt, bến đầu mối trung chuyển khách đi xe buýt có quy mô:

- Bãi kỹ thuật cho các phương tiện vận tải hành khách bằng xe buýt có diện tích đất tối thiểu là 10.000m<sup>2</sup> tại các quận 2, quận 7, quận 8, quận 9, quận 12, Bình Tân, Thủ Đức, huyện Hóc Môn, Củ Chi, Cần Giờ và Bình Chánh và 2.000m<sup>2</sup> đối với các quận còn lại. Các trường hợp bãi có diện tích nhỏ hơn Quy định này phải được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố bằng văn bản.

- Bến xe khách nội tỉnh có diện tích đất tối thiểu là 1.000m<sup>2</sup>.

b) Hỗ trợ 9%/năm đối với các dự án đầu tư bến xe tải và trung chuyển hàng hóa, bãi kỹ thuật cho các phương tiện vận tải hàng hóa có quy mô diện tích đất tối thiểu là 20.000m<sup>2</sup>.

c) Hỗ trợ 8%/năm đối với các dự án đầu tư bến xe khách liên tỉnh, bãi đậu xe cao tầng hoặc trên mặt đất trong nội đô thành phố, bãi đậu xe tại cửa ngõ thành phố, có quy mô:

- Bến xe khách liên tỉnh có diện tích đất tối thiểu là 10.000m<sup>2</sup>.

- Bãi đậu xe cao tầng hoặc trên mặt đất ở nội đô thành phố có diện tích đất tối thiểu là 1.000m<sup>2</sup> trên địa bàn các quận 1, quận 3, quận 4, quận 5, quận 6, quận 10, quận 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh và có diện tích đất tối thiểu là 2.000m<sup>2</sup> trên địa bàn các quận 2, quận 7, quận 8, quận 9, quận Gò Vấp, quận Tân Bình và quận Tân Phú.

- Bãi đậu xe tại cửa ngõ thành phố có diện tích đất tối thiểu là 3.000m<sup>2</sup>.

d) Số vốn vay được hỗ trợ là phần chênh lệch chi phí đầu tư với phần vốn đầu tư thuộc sở hữu của nhà đầu tư, gồm các hạng mục:

- Chi phí đầu tư đối với diện tích sử dụng làm bãi đậu xe từ 70% trở lên kể cả phần diện tích cao tầng; diện tích này tính trên diện tích đất bến bãi đường bộ đầu tư thực tế.

- Chi phí các hạng mục xây dựng đường, hạ tầng kỹ thuật (bao gồm hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, vỉa hè).
- Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng trong trường hợp địa điểm đầu tư là địa điểm thuộc quy hoạch được công bố và không thuộc sở hữu của nhà đầu tư.

### **Điều 11. Về thủ tục ghi kế hoạch và giải ngân tiền hỗ trợ**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm ghi kế hoạch hàng năm số vốn hỗ trợ cho nhà đầu tư đã được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo khoản 2 và khoản 6 Điều 10 Quy định này, sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng.

2. Sở Tài chính thành phố, Kho bạc Nhà nước thành phố thực hiện việc thanh toán tiền hỗ trợ một phần lãi vay cho nhà đầu tư, có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, tiếp nhận các thủ tục đăng ký, nhận tiền hỗ trợ; thẩm tra hồ sơ và thanh toán tiền hỗ trợ.

b) Thu hồi tiền hỗ trợ trong trường hợp nhà đầu tư được hưởng hỗ trợ không thực hiện đúng chức năng kinh doanh bến bãi vận tải đường bộ.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12.** Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm giải quyết các thủ tục liên quan đến đầu tư bến bãi vận tải đường bộ cho các nhà đầu tư đúng thời gian quy định.

**Điều 13.** Giao Sở Giao thông vận tải theo dõi tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện, đề xuất biện pháp giải quyết các vướng mắc và những nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong quá trình thực hiện Quy định này, trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2010/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2010*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tổ chức, quản lý, khai thác  
hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt  
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 588/SGTVT-VTCN ngày 29 tháng 01 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 321/2003/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2003, Quyết định số 49/2005/QĐ-UB ngày 28 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận -

huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Tổ chức, quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng  
bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2010/QĐ-UBND  
ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Văn bản này quy định việc tổ chức quản lý, khai thác hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt, xe đưa rước học sinh - sinh viên, công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và vận tải khách công cộng bằng xe buýt đến các tỉnh liền kề (gọi tắt là hoạt động xe buýt).

2. Văn bản này không điều chỉnh loại hình vận chuyển khách du lịch tham quan trên địa bàn thành phố bằng hình thức vận chuyển như xe buýt và xe đưa rước cán bộ, nhân viên do doanh nghiệp tự tổ chức.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức có đăng ký kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt theo quy định của pháp luật tham gia khai thác tuyến xe buýt (gọi tắt là doanh nghiệp).

2. Các tổ chức, cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phân công quản lý vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

3. Các doanh nghiệp có liên quan đến xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt.

4. Khách đi xe buýt.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Vận tải khách công cộng bằng xe buýt* là hoạt động vận tải khách bằng ô tô theo tuyến cố định có các điểm dừng đón, trả khách và xe chạy theo biểu đồ vận hành.

2. *Tuyến xe buýt* là tuyến vận tải khách cố định bằng ô tô, có điểm đầu, điểm cuối và các điểm dừng đón, trả khách theo quy định.

a) *Tuyến xe buýt đô thị* là tuyến xe buýt có điểm đầu, điểm cuối tuyến trong đô thị;

b) *Tuyến xe buýt nội tỉnh* là tuyến xe buýt hoạt động trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nội các thành phố, thị xã, huyện, khu công nghiệp, khu du lịch;

c) *Tuyến xe buýt liên kê* là tuyến xe buýt có lộ trình đi từ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến các tỉnh liên kê, các khu công nghiệp, khu du lịch (điểm đầu, điểm cuối và lộ trình của một tuyến không vượt quá 2 tỉnh, thành phố; nếu điểm đầu hoặc điểm cuối thuộc đô thị loại đặc biệt thì tuyến không vượt quá 3 tỉnh, thành phố).

d) Ngoài các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe thông thường nêu tại điểm a, b, c khoản này, còn có các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe được quy định riêng như sau:

- Tuyến chạy nhanh là tuyến xe chạy suốt từ điểm đầu đến điểm cuối tuyến hoặc chỉ dừng một số trạm trên tuyến;

- Tuyến xe chạy đêm;

- Tuyến xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân, viên chức...;

- Tuyến xe buýt được chạy trên làn đường dành riêng hoặc ưu tiên.

3. *Xe buýt* là ô tô chở khách có thiết kế từ 17 ghế trở lên và có diện tích sàn xe dành cho khách đứng (diện tích dành cho 1 khách đứng là  $0,125m^2$ ) theo tiêu chuẩn quy định. Tại thành phố Hồ Chí Minh, xe 12 chỗ ngồi được đầu tư từ năm 2002, được phép hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt cho đến hết niên hạn sử dụng theo quy định tại Nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định niên hạn sử dụng đối với xe ô tô chở hàng và xe ô tô chở người.

4. *Điểm dừng xe buýt* là những vị trí xe buýt phải dừng để đón hoặc trả khách theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

5. *Điểm đầu, điểm cuối của tuyến xe buýt* là nơi bắt đầu, kết thúc của một hành trình xe chạy trên một tuyến.

6. *Kết cấu hạ tầng phục vụ xe buýt*: Ngoài hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho việc hoạt động của các phương tiện cơ giới và người đi bộ còn có: nhà ga hành khách, đầu mối trung chuyển khách đi xe buýt theo quy hoạch, làn đường xe buýt hoạt động, đường dành riêng, đường ưu tiên cho xe buýt, điểm đầu, điểm cuối,

trạm trung chuyển xe buýt, trạm dừng, nhà chờ xe buýt, biển báo và các vạch sơn tại các điểm dừng, bãi đỗ dành cho xe buýt, các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động khai thác vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

7. *Biểu đồ chạy xe buýt trên một tuyến* là tổng hợp các lịch trình chạy xe của các chuyến xe tham gia vận chuyển trên tuyến trong một thời gian nhất định.

8. *Người khuyết tật* là những người bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn.

9. *Lệnh vận chuyển* là chứng từ để ghi chép hành trình, lịch trình chạy xe theo từng chuyến của tuyến xe buýt được trợ giá có xác nhận của nhân viên điều hành do doanh nghiệp phân công tại điểm đầu và điểm cuối của tuyến, cơ quan quản lý tuyến xe buýt thực hiện nhiệm vụ tái xác nhận.

## Chương II

### TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG XE BUÝT

#### Điều 4. Thông tin trên các kết cấu hạ tầng xe buýt

1. Đối với trạm dừng: phải ghi rõ tên tuyến, ghi số hiệu tuyến xe buýt, tên trạm dừng, giờ hoạt động của tuyến xe buýt, thời gian giãn cách, giá vé và thông tin về chuyển tuyến sang tuyến xe buýt khác.

Ngoài quy định này, các trạm dừng xe buýt dùng cho tuyến xe buýt đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân, tuyến xe buýt nhanh được ghi thêm giờ chạy cụ thể trong ngày và có biểu trưng phân biệt các tuyến xe buýt được trợ giá, tuyến xe buýt không có trợ giá, xe đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân.

2. Đối với nhà chờ: phải thể hiện tên tuyến, ghi số hiệu tuyến xe buýt, thời gian hoạt động, hành trình chạy xe, lịch trình chạy xe, các số điện thoại nóng và bản đồ hướng dẫn hệ thống tuyến xe buýt.

3. Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, các bãi giữ xe cá nhân và trạm trung chuyển xe buýt: phải thể hiện số hiệu tuyến xe buýt, lộ trình, biểu đồ giờ, loại xe, doanh nghiệp phục vụ; kích thước và hình thức bản đồ tuyến xe buýt tùy thuộc vào vị trí và quy mô tại điểm cần bố trí do Sở Giao thông vận tải phê duyệt; phải có nhân viên điều hành để hướng dẫn hành khách, để kiểm tra, phối hợp hoạt động của xe buýt trên tuyến, thông tin liên lạc, tiếp nhận ý kiến chỉ đạo của cơ quan quản lý tuyến.

4. Từ năm 2011, tiến hành đầu tư xây dựng các bảng điện tử hiển thị thông tin



cho hành khách được biết tại các điểm kết nối giữa xe và các bến, trạm trung chuyển xe buýt, nhà chờ.

### **Điều 5. Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt**

1. Việc tổ chức đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt được thực hiện theo các nguồn vốn sau đây:

a) Vốn lắp đặt mới, di dời, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng trạm dừng, nhà chờ, biển báo được sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp được duyệt;

b) Việc đầu tư trạm dừng, nhà chờ, biển báo trên tuyến xe buýt được sử dụng từ nguồn vốn phát triển sự nghiệp của Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng (sau đây viết tắt là TTQL&ĐHVTHKCC) hoặc các nguồn vốn huy động khác;

c) Khi thực hiện nhiệm vụ theo điểm a khoản này, TTQL&ĐHVTHKCC đảm bảo các thủ tục về tài liệu cơ sở trong quản lý, thanh toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách theo quy định hiện hành.

Các công trình khác phải thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư.

2. Quy định kỹ thuật:

a) Quy định kỹ thuật chung:

- Khoảng cách giữa các trạm dừng, nhà chờ xe buýt là từ 300 - 700 mét ở nội thành và từ 800 - 3.000 mét ở ngoại thành, tại mỗi điểm dừng phải có biển báo hiệu điểm dừng xe buýt theo quy định; lưu ý bố trí các điểm lập trạm dừng, nhà chờ ở những nơi đủ điều kiện thuận lợi giao thông, thu hút dân cư khu vực. Riêng bệnh viện, trường học có địa điểm thuận lợi có thể đặt trạm dừng, nhà chờ đến gần cửa ra vào, phải đảm bảo an toàn giao thông của khu vực và do Sở Giao thông vận tải cho phép. Tại các đường không có dải phân cách giữa, trạm dừng, nhà chờ không được đặt đối diện nhau, phải cách nhau tối thiểu 25 mét. Khoảng cách giữa các trạm dừng, nhà chờ trên các tuyến phục vụ cho các đối tượng riêng và các tuyến phục vụ cho các yêu cầu riêng do Sở Giao thông vận tải xem xét từng trường hợp; trạm dừng, nhà chờ xe buýt phải bố trí cách bờ mép giao lộ tối thiểu là 50 mét;

- Trạm dừng, nhà chờ phục vụ người khuyết tật sử dụng xe lăn phải xây dựng lối lên xuống thuận tiện cho xe lăn và có vị trí dành riêng cho người khuyết tật sử dụng xe lăn đậu chờ xe buýt;

- Trạm dừng, nhà chờ không được che chắn hoặc ảnh hưởng đến các biển báo

giao thông, đèn tín hiệu giao thông, các trụ nước cứu hỏa, các công trình dành riêng cho người khuyết tật, các công trình ngầm của các ngành viễn thông, truyền thông, điện lực, cấp thoát nước... trong phạm vi an toàn của đường sắt, trước cổng và trong phạm vi 5 mét hai bên cổng, trụ sở cơ quan, tổ chức; cũng không bị các công trình này che chắn kể cả cây xanh; trạm dừng, nhà chờ xe buýt không được lắp đặt tại những nơi cần bảo vệ an ninh trật tự, an toàn giao thông như các lãnh sự quán, khu ngoại giao, Ủy ban nhân dân các cấp, trụ sở cơ quan công an, ngân hàng, nhà thờ, đền, chùa...;

- Mỗi trạm dừng, nhà chờ xe buýt đều có số hiệu riêng và được thể hiện trên bản đồ để quản lý và thông tin cho hành khách đi xe buýt.

b) Quy định kỹ thuật riêng cho trạm dừng, biển treo, vạch dừng xe buýt:

- Vị trí lắp đặt trạm dừng, biển treo phải thích hợp với điều kiện thực tế của vỉa hè và khu vực xung quanh, bảo đảm có không gian thông thoáng, mỹ quan, dễ quan sát và có chừa lối đi trên lề cho khách bộ hành;

- Mỗi trạm dừng trên trục đường chỉ được bố trí tối đa cho 03 tuyến xe buýt sử dụng chung làm điểm dừng đón, trả khách; trường hợp nhiều hơn phải tổ chức tách và bố trí thêm trạm dừng cho phù hợp với biểu đồ tuyến xe buýt qua trạm tạo thuận lợi, an toàn cho xe buýt và hành khách; khoảng cách giữa 2 trạm dừng phải cách nhau từ 15 đến 30 mét trong một cụm điểm dừng đón, trả khách và trạm dừng của 2 đầu của cụm điểm dừng phải đảm bảo khoảng cách quy định tại điểm a khoản này;

- Đối với các tuyến xe buýt đưa rước học sinh, sinh viên, công nhân có địa điểm hẹn trước và các tuyến xe buýt nhanh phải bố trí trụ trạm dừng tại các điểm không trùng với trạm dừng của xe buýt trên tuyến và thuận tiện cho hành khách, đồng thời phù hợp an toàn giao thông; trường hợp phải bố trí trùng do Sở Giao thông vận tải quyết định.

c) Quy định riêng cho nhà chờ:

- Vỉa hè để lắp đặt nhà chờ xe buýt phải rộng từ 4 mét trở lên trong nội đô và từ 1,5 mét trở lên đối với khu vực ngoại ô. Nhà chờ xe buýt phải lắp đặt cách mép lề tối thiểu 1,5 mét trừ trường hợp vỉa hè có khoét lề và các vỉa hè khu vực ngoại ô.

- Trên các trục lộ quốc lộ thuộc quyền quản lý của Sở Giao thông vận tải, nhà chờ xe buýt được lắp đặt trên dải phân cách rộng từ 1,2 mét trở lên và xe buýt lưu thông trên làn dành riêng kế cận dải phân cách;

d) Quy định riêng của vạch dừng xe buýt:

- Phải thực hiện đúng quy định Tiêu chuẩn ngành số đăng ký 22TCN-237-01 về “Điều lệ báo hiệu đường bộ” phần vạch số 1.17 có kẻ thêm chữ “xe buýt” (từ đỉnh này đến đỉnh kia của chữ M); phải sơn vạch phản quang để người điều khiển các phương tiện giao thông khác nhận biết.

- Chiều dài của ô dừng xe buýt tùy theo từng trường hợp cụ thể, từ 15 đến 30 mét, bảo đảm cho xe đón, trả khách được trật tự và an toàn.

đ) Quy định riêng khi khoét lè: Vĩa hè để khoét lè phải rộng từ 4 mét trở lên, phần vĩa hè còn lại sau khi cắt gọt phải có bề rộng lớn hơn 1,5 mét và chiều cao vĩa hè với mặt đường phải phù hợp để đảm bảo cho hành khách có nhu cầu đi lại thuận lợi.

3. Thời gian tối đa khắc phục hư hỏng kể từ khi được phát hiện hoặc giao nhiệm vụ:

a) Đối với trạm dừng, biển báo trên tuyến xe buýt:

Hạng mục công tác	Thời gian thực hiện
Di dời, thay thế hoặc lắp đặt	5 - 7 ngày
Tháo dỡ	1 ngày
Vệ sinh sơn mới	5 ngày
Bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ	2 - 5 ngày

b) Đối với nhà chờ xe buýt:

Hạng mục công tác	Thời gian thực hiện
Di dời, thay thế hoặc lắp đặt	10 - 15 ngày
Tháo dỡ	7 ngày
Vệ sinh sơn mới	10 ngày
Bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ	2 - 5 ngày

c) Trường hợp trạm dừng, nhà chờ, biển báo trên tuyến xe buýt bị sự cố (gãy đổ, bảng trụ bị xô lệch hoặc thiếu mất thông tin...), TTQL&ĐHVTHKCC phải có biện pháp khắc phục ngay trong ngày.

4. Việc di dời trạm dừng, nhà chờ xe buýt chỉ được thực hiện trong trường hợp để sửa chữa, mở rộng đường giao thông hoặc có sự thay đổi về tổ chức giao thông, sự thay đổi về lộ trình hoạt động của tuyến xe buýt làm cho trạm dừng, nhà chờ xe buýt bị mất tác dụng hoặc khi có kiến nghị hợp lý của tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Việc quảng cáo trên các trạm dừng, nhà chờ phải thực hiện đúng các quy định hiện hành về đấu giá và sử dụng phần khấu hao cơ bản để tái đầu tư. Đối với nhà chờ lắp đặt trên vỉa hè và trên dải phân cách lớn hơn 2 mét, phải dành diện tích ít nhất 1,5m<sup>2</sup> để thực hiện đúng khoản 2 Điều 4 Quy định này (không tính diện tích bảng phụ trong trường hợp nhà chờ có bảng phụ); riêng nhà chờ đặt trên dải phân cách nhỏ hơn 2 mét, diện tích bảng thông tin do Sở Giao thông vận tải quy định. Tiền quảng cáo thu được, TTQL&ĐHVTHKCC được sử dụng chi theo thứ tự cho các khoản nộp ngân sách theo quy định; lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp sử dụng trong chi phí nghiệp vụ chuyên môn như đầu tư mới trạm dừng, nhà chờ xe buýt, in đề can thông tin, tuyên truyền xe buýt; chi thu nhập tăng thêm cho người lao động; lập 3 quỹ theo quy định và chi các khoản khác theo dự toán được Sở Giao thông vận tải phê duyệt hàng năm.

6. TTQL&ĐHVTHKCC có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng liên quan để đảm bảo an ninh, trật tự, vệ sinh cho các cơ sở hạ tầng xe buýt.

#### **Điều 6. Thời gian phục vụ**

1. Thời gian xe buýt phục vụ trong ngày của từng tuyến được quy định trong biểu đồ chạy xe, đảm bảo tối thiểu 12 giờ/ngày.

2. Doanh nghiệp xe buýt căn cứ vào biểu đồ chạy xe để bố trí đúng loại xe chạy; xe buýt phải chạy đúng giờ, dừng đúng trạm, nhà chờ quy định theo biểu đồ chạy xe đã công bố.

#### **Điều 7. Phương tiện vận chuyển**

1. Tiêu chuẩn xe buýt:

a) Xe hoạt động trên tuyến phải là xe ô tô đủ điều kiện theo Nghị định số 91/2009/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quy định tại Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 302-06 của Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 02 tháng 3 năm 2006; tuyệt đối không được làm ba-ga trên mui xe để hàng; trên xe phải có chuông điện báo hiệu lên xuống và có đủ tay vịn cho hành khách; phải dành 02 hàng ghế cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai, có màu riêng, trên đó có ghi chữ “ghế dành riêng”;

b) Đăng ký với Sở Giao thông vận tải về màu sơn của xe buýt;

c) Trên một số tuyến đường chật hẹp, lưu lượng hành khách thấp được sử dụng loại xe 12 chỗ ngồi theo niên hạn được quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này;

d) Trên một số trục lộ có dải phân cách hai bên rộng từ 1,2 mét trở lên phải tổ chức xe buýt lưu thông trên làn dành riêng kế cận dải phân cách, không được lưu thông trong làn xe 2 - 3 bánh;

đ) Xe buýt phải kê vạch chiều cao 1,3 mét tại cửa lên để phục vụ miễn phí cho trẻ em;

e) Đối với xe buýt phục vụ người khuyết tật phải bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật riêng được quy định tại Phần 2 Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 302-06;

g) Xe buýt phải được kiểm tra bảo đảm an toàn kỹ thuật hàng ngày trước khi đưa vào hoạt động.

## 2. Đặc điểm nhận dạng xe buýt:

a) Bên ngoài xe: ở phía trước và sau xe phải dán biểu trưng theo quy định, có bảng nêu rõ tên tuyến, ghi tuyến xe buýt bằng số; dọc theo hai thành xe phải thể hiện lộ trình, bến chính xe chạy qua. Khuyến khích các doanh nghiệp tự trang bị bảng tên tuyến, bảng lộ trình, mã số tuyến bằng đèn led;

b) Bên trong xe: phải có sơ đồ tuyến, niêm yết giá vé, cước hành lý và cách tính, nội quy chạy xe buýt và số điện thoại để giải đáp thắc mắc ở vị trí dễ nhìn;

c) Việc quảng cáo trên xe buýt (bên trong lẫn bên ngoài thành xe buýt) thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

d) Nội dung niêm yết, kích thước, kiểu chữ, màu sắc, vị trí của các loại thông tin trên được TTQL&ĐHVTHKCC quy định, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện.

## 3. Số hiệu tuyến xe buýt:

a) Số hiệu tuyến xe buýt lưu thông trên địa bàn thành phố được đặt theo thứ tự thời gian của tuyến xe buýt mới mở;

b) Số hiệu tuyến xe buýt lân cận được đặt theo mã số đăng ký phương tiện của tỉnh có tuyến xe buýt mở đến; số tiếp theo là số thứ tự theo thời gian của tuyến mới mở.

## 4. Tần suất xe chạy:

a) Tần suất xe chạy đối với các tuyến xe buýt thuộc phạm vi đô thị không được vượt quá 30 phút/lượt xe xuất bến; trong trường hợp đặc biệt, nếu tần suất vượt quá quy định phải được sự đồng ý của Sở Giao thông vận tải;

b) Tần suất xe chạy đối với các tuyến xe buýt khác không được vượt quá 45 phút/lượt xe xuất bến.

### 5. Các chứng từ mang theo xe buýt:

Ngoài các loại giấy tờ mang theo xe được pháp luật quy định, xe buýt phải có lệnh vận chuyển để theo dõi hoạt động của các tuyến xe buýt có trợ giá.

### **Điều 8. Vé xe buýt**

1. Có 2 loại vé: vé lượt và vé bán trước.

2. Vé lượt là chứng từ để khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt. Vé bán trước là chứng từ để khách sử dụng đi lại thường xuyên trong một thời gian một tháng hoặc dài hơn, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt.

3. Ngoài các loại vé nêu trên, giao cho Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định các loại vé cho các đối tượng ưu tiên, với giá vé thấp hơn hoặc miễn phí.

4. Vé trên các tuyến có trợ giá do Sở Giao thông vận tải phát hành, quản lý và cấp phát cho doanh nghiệp xe buýt; vé trên các tuyến không trợ giá do doanh nghiệp tham gia khai thác tuyến xe buýt phát hành, quản lý theo quy định.

5. Tiến đến việc áp dụng thẻ thông minh thay cho vé giấy.

### **Điều 9. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt**

1. Lái xe buýt:

a) Tuyển dụng mới:

- Tiêu chuẩn về tuổi:

Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: nam từ 24 tuổi đến 55 tuổi, nữ từ 24 tuổi đến 50 tuổi;

Đối với ô tô buýt trên 30 chỗ ngồi: nam từ 27 tuổi đến 55 tuổi, nữ từ 27 tuổi đến 50 tuổi.

- Tiêu chuẩn về hạng giấy phép lái xe:

Đối với ô tô buýt từ 10 đến 30 chỗ ngồi: có giấy phép lái xe hạng D trở lên;

Đối với ô tô buýt trên 30 chỗ ngồi: có giấy phép lái xe hạng E trở lên.

- Tiêu chuẩn về sức khỏe: Có giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ quan y tế quận - huyện cấp.

- Tiêu chuẩn về trình độ học vấn: Tốt nghiệp phổ thông cơ sở (9/12) trở lên, hệ chính quy hoặc bổ túc văn hóa.

- Tiêu chuẩn về nhân thân: phải có lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp cấp.

- Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có giấy chứng nhận tập huấn do Trường Cao đẳng Giao thông vận tải cấp và lớp bồi dưỡng hàng năm về nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp.

b) Đang hành nghề lái xe buýt:

Các lái xe buýt hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp xe buýt vẫn được tiếp tục hành nghề lái xe buýt nếu có giấy chứng nhận tập huấn do Trường Cao đẳng Giao thông vận tải cấp và lớp bồi dưỡng hàng năm về nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, phải đạt được các tiêu chuẩn của lái xe buýt quy định về hạng giấy phép lái xe, về sức khỏe, về nhân thân; đến đầu năm 2014 phải đạt được trình độ học vấn theo Quy định này.

2. Nhân viên phục vụ trên xe buýt:

a) Vị trí, chức trách và nhiệm vụ của nhân viên phục vụ trên xe buýt:

Nhân viên phục vụ trên xe buýt phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Quy định này; nhân viên phục vụ trên xe buýt có nhiệm vụ:

- Bán vé đúng giá; xé và đưa vé cho hành khách; kiểm tra vé đúng quy định;
- Có thái độ phục vụ đúng mực, không phân biệt đối xử với hành khách sử dụng vé bán trước và người tàn tật;
- Tham gia đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ theo quy định.

b) Quản lý nhân viên phục vụ trên xe buýt:

- Đối với nhân viên tuyển dụng mới:

Tiêu chuẩn về tuổi: tuyển chọn nhân viên phục vụ trên xe buýt với tuổi tuyển dụng khởi đầu trong độ tuổi từ 18 tuổi đến 30 tuổi.

Tiêu chuẩn về sức khỏe: Có giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ quan quận - huyện cấp trong vòng 12 tháng nhưng không quá 2 tháng khi nộp hồ sơ xin việc.

Tiêu chuẩn về trình độ học vấn: Tốt nghiệp trung học cơ sở (9/12) trở lên, hệ chính quy hoặc bổ túc văn hóa.

Điều kiện về nhân thân: phải có lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp cấp.

Tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: có giấy chứng nhận tập huấn do Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam cấp.

- Đối với nhân viên phục vụ trên xe buýt đang làm việc tại các doanh nghiệp:

Các nhân viên phục vụ trên xe buýt hiện đang làm việc tại các doanh nghiệp vẫn được tiếp tục hành nghề nếu có giấy chứng nhận tập huấn do Hiệp hội Vận tải ô tô Việt Nam cấp, phải đạt được các tiêu chuẩn của nhân viên phục vụ trên xe buýt quy định về sức khỏe, về nhân thân; đến đầu năm 2014 phải đạt được trình độ học vấn theo Quy định này.

3. Lái xe và nhân viên phục vụ trên xe buýt khi làm việc phải đeo bảng tên và mặc đồng phục, phải hiểu biết những quy định về vận tải khách, có trách nhiệm cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt, thông tin tuyến, giải thích, hướng dẫn đầy đủ cho hành khách. Giúp lên xuống an toàn và ổn định chỗ ngồi cho hành khách, nhất là đối với người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và phụ nữ có thai; không nhận chở xe đạp, xe 02 bánh gắn máy trên xe buýt, hàng hóa công kênh, hàng tanh hôi, lây nhiễm, súc vật, chất dễ cháy nổ.

### **Chương III**

## **HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CỦA NHÀ NƯỚC**

### **CHO HOẠT ĐỘNG XE BUÝT**

#### **Điều 10. Trợ giá của Nhà nước**

1. Cơ chế trợ giá cho tuyến xe buýt có trợ giá được quy định như sau:

- Phương thức trợ giá theo chuyến đối với từng tuyến, từng nhóm xe.
- Công thức tính: Kinh phí trợ giá = Tổng chi phí chuyến xe (đã tính lợi nhuận) - doanh thu khoán.

2. Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt theo kế hoạch của Sở Giao thông vận tải. Các tuyến xe buýt mới mở phải thực hiện đấu thầu khai thác tuyến xe buýt khi mở tuyến.

#### **Điều 11. Hỗ trợ của Nhà nước về kết cấu hạ tầng xe buýt**

Thành phố tạo điều kiện cho TTQL&ĐHVTHKCC sử dụng các khu đất tại các quận - huyện để làm đầu mối trung chuyển hành khách đi xe buýt và bãi kỹ thuật xe buýt theo quy hoạch.

### **Chương IV**

## **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ**

### **VẬN TẢI KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT**

#### **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Giao thông vận tải**



1. Sở Giao thông vận tải là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động xe buýt trên địa bàn thành phố, có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Phê duyệt quy hoạch, phát triển mạng lưới tuyến xe buýt, quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng xe buýt.

b) Phê duyệt, công bố các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật; công bố đơn giá chi phí vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho hàng năm và cho từng thời điểm nếu có xảy ra biến động về giá; xây dựng phương án giá vé xe buýt, xác định khung giá vé, các chính sách miễn giảm giá vé cho hoạt động xe buýt.

c) Xác định mô hình tổ chức hoạt động xe buýt.

d) Ban hành, bổ sung và sửa đổi quy định quản lý hoạt động xe buýt.

đ) Công bố các ưu tiên trong lưu thông của xe buýt.

e) Ban hành kế hoạch đầu tư cho hoạt động xe buýt bằng vốn ngân sách.

g) Ban hành các chính sách ưu đãi trong hoạt động xe buýt.

2. Sở Giao thông vận tải có quyền:

a) Giao nhiệm vụ kế hoạch hàng năm về vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

b) Quyết định danh mục, vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; quyết định chọn mẫu trạm dừng, nhà chờ; phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động và quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện quy hoạch về tổ chức đầu mối doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xe buýt; phê duyệt kế hoạch đấu thầu; phân bổ dự toán chi ngân sách đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt.

d) Công bố các loại ưu tiên trong lưu thông của xe buýt trên từng tuyến đường cụ thể; ban hành nội quy đi xe buýt.

đ) Kiểm tra và xét duyệt quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

e) Công bố giá vé cụ thể cho từng luồng tuyến xe buýt trên cơ sở khung giá vé đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

g) Quyết định đình chỉ khai thác tuyến xe buýt của doanh nghiệp xe buýt vi phạm nghiêm trọng quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt.

h) Giám sát chất lượng hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt đối với doanh nghiệp và TTQL&ĐHVTHKCC.

i) Thống nhất với các Sở Giao thông vận tải có liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt lân cận.

k) Quản lý Quỹ phát triển vận tải hành khách công cộng của thành phố.

### **Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Tài chính**

Sở Tài chính là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về tài chính cho hoạt động xe buýt, ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn đã được phân công, Sở Tài chính có quyền:

1. Thẩm định và thông báo thẩm định quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Kho bạc Nhà nước trong việc quản lý hồ sơ thanh toán, quyết toán kinh phí trợ giá xe buýt.

3. Thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí thuê tư vấn lập hồ sơ đấu thầu khai thác tuyến xe buýt.

4. Thẩm định giá gói thầu của từng tuyến xe buýt.

5. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập đơn giá chi phí vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt và xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng cho hàng năm và cho từng thời điểm nếu có xảy ra biến động về giá.

## **Chương V**

### **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ TUYẾN XE BUÝT**

**Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Quản lý và Điều hành Vận tải hành khách công cộng**

1. TTQL&ĐHVTHKCC là cơ quan quản lý tuyến xe buýt, có trách nhiệm trình Sở Giao thông vận tải:

a) Kế hoạch hàng năm về phát triển hoạt động xe buýt, bao gồm sản lượng,

phương tiện, luồng tuyến, trợ giá, điều chỉnh giá vé, đấu thầu, đặt hàng khai thác tuyến xe buýt và các dịch vụ liên quan đến hoạt động xe buýt, xây dựng cơ bản, kiểm tra trên tuyến, thông tin tuyên truyền.

b) Các danh mục vị trí cụ thể của cơ sở hạ tầng mỗi tuyến xe buýt; mẫu trạm dừng, nhà chờ.

c) Các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với hoạt động xe buýt trên địa bàn thành phố.

## 2. TTQL&ĐHVTHKCC có quyền:

a) Quyết định mở tuyến mới bao gồm tuyến xe buýt được trợ giá và tuyến xe buýt không trợ giá; quyết định điều chỉnh lộ trình tuyến xe buýt; về số lượng xe kể cả số xe dự phòng cần cho mỗi tuyến xe buýt, về quy cách và chủng loại xe chạy trên từng tuyến; quyết định dừng hoạt động đối với các tuyến xe buýt không hiệu quả và không theo quy hoạch. Quyết định các tuyến xe buýt có chế độ chạy xe được quy định riêng. Quyết định mở mới, điều chỉnh và dừng hoạt động phải thực hiện theo quy trình hiện hành của Bộ Giao thông vận tải.

b) Quyết định biểu đồ chạy xe từng tuyến xe buýt.

c) Được điều chỉnh các thông số liên quan đến tuyến xe buýt trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi tạm thời lộ trình hoạt động của từng tuyến trong thời gian sửa chữa cầu, đường giao thông, tiến hành thử nghiệm phân luồng giao thông;

- Thay đổi thời gian đóng mở tuyến cho phù hợp với nhu cầu đi lại;

- Tăng giảm chuyến xe theo nhu cầu đi lại từng thời điểm trong ngày và trong những ngày lễ, Tết, các ngày khai giảng, thi tuyển các cấp.

d) Tổ chức đấu thầu chọn doanh nghiệp khai thác tuyến. Ký hợp đồng đặt hàng khai thác vận chuyển hành khách bằng xe buýt với các doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt theo phân bổ dự toán chi ngân sách đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong hoạt động vận tải khách công cộng bằng xe buýt; tổ chức kiểm tra việc thực hiện hợp đồng và thực hiện những thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Định kỳ hàng năm và đột xuất, tiến hành kiểm tra điều kiện hoạt động của doanh nghiệp khi tham gia vận tải khách công cộng bằng xe buýt; kiểm tra tiêu chuẩn các xe buýt.

e) Quyết định kế hoạch, loại hình công tác thông tin, tuyên truyền cho hoạt động xe buýt.

g) Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ có thời hạn khai thác tuyến xe buýt của doanh nghiệp xe buýt vi phạm quy định hiện hành về hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt.

h) Quản lý hoạt động khai thác các tuyến xe buýt để đảm bảo mạng lưới xe buýt hoạt động theo đúng biểu đồ. Có quyền điều động đột xuất các xe buýt để giải tỏa các ách tắc, thiếu xe đột biến trong mạng lưới xe buýt.

i) Thống kê, báo cáo kết quả thực hiện vận chuyển khách công cộng theo định kỳ.

k) Tổ chức khảo sát, đo đếm, thống kê kết quả và dự báo nhu cầu đi lại của hành khách trên mạng lưới xe buýt. Thuê tư vấn nghiên cứu, đề xuất việc điều chỉnh luồng tuyến khi có yêu cầu.

l) Làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra và thanh quyết toán tiền trợ giá cho các doanh nghiệp hoặc các đầu mối xe buýt theo quy định. Xác nhận, tái xác nhận kết quả vận chuyển các hoạt động vận chuyển xe buýt, làm cơ sở cho báo cáo thống kê, thanh quyết toán trợ giá. Đôn đốc, hướng dẫn các doanh nghiệp xe buýt báo cáo quyết toán trợ giá xe buýt theo đúng thời gian quy định.

m) In, phân phối và kiểm tra lệnh vận chuyển của các doanh nghiệp tham gia khai thác tuyến xe buýt đối với các tuyến xe buýt có trợ giá.

n) Tổ chức triển khai việc thực hiện nội quy đi xe buýt.

o) Làm chủ đầu tư các dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng mới và quản lý cơ sở hạ tầng phục vụ vận tải khách công cộng bằng xe buýt; Tổ chức thực hiện công tác duy tu, sửa chữa các cơ sở hạ tầng này; Tổ chức, quản lý các bến bãi giữ xe miễn phí cho khách đi xe buýt.

p) Theo dõi quá trình hành nghề của nhân viên phục vụ trên xe buýt trên địa bàn thành phố. Xử lý và ra thông báo rộng rãi đến các doanh nghiệp danh sách các nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm quy định về hoạt động xe buýt trên cơ sở hợp đồng khai thác tuyến xe buýt; trao đổi với doanh nghiệp quản lý nhân viên phục vụ trên xe buýt vi phạm về các trường hợp làm rõ sự việc trước khi tiến hành xử lý.

q) Tổ chức các kênh thông tin trực tuyến để vận động nhân dân đi xe buýt, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc hoặc các phản hồi của hành khách đi xe buýt.

r) Tổ chức họp định kỳ với các doanh nghiệp xe buýt để giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

s) Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết phản ánh của các doanh nghiệp xe buýt.

3. TTQL&ĐHVTHKCC có trách nhiệm đảm bảo các cơ sở hoạt động trên tuyến bao gồm có đầy đủ kết cấu hạ tầng xe buýt trên tuyến; các kết cấu hạ tầng xe buýt phải có đầy đủ thông tin và thông tin kịp thời khi có điều chỉnh, thay đổi cho người dân và cho các doanh nghiệp xe buýt; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra sự cố về việc thiếu thông tin trên tuyến.

## **Chương VI**

### **QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP THAM GIA KHAI THÁC TUYẾN XE BUÝT - QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 15. Đăng ký hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

Các doanh nghiệp khi muốn khai thác tuyến xe buýt phải đăng ký với TTQL&ĐHVTHKCC để được hướng dẫn thủ tục, kiểm tra năng lực và điều kiện tham gia.

#### **Điều 16. Điều kiện tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

Gồm các điều kiện:

1. Doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo luật định.
2. Có chức năng kinh doanh vận tải khách công cộng bằng xe buýt và giấy phép kinh doanh vận tải khách công cộng bằng xe buýt.
3. Đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định hiện hành.
4. Được TTQL&ĐHVTHKCC đặt hàng tham gia hoạt động tuyến xe buýt hoặc trúng thầu khai thác tuyến xe buýt do TTQL&ĐHVTHKCC tổ chức.

#### **Điều 17. Quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp**

1. Được hưởng các quyền lợi quy định tại Chương VI Quy định này và các quyền lợi khác trong chính sách ưu đãi chung của thành phố đối với hoạt động vận chuyển khách công cộng bằng xe buýt khi tham gia khai thác tuyến xe buýt đồng thời phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo luật định.

2. Doanh nghiệp xe buýt được đặt hàng hoặc trúng thầu khai thác tuyến xe buýt được đảm bảo các điều kiện hoạt động trên tuyến như kết cấu hạ tầng xe buýt và các thông tin trên các kết cấu này.

3. Doanh nghiệp xe buýt được quyền khiếu nại các quyết định xử lý vi phạm hợp đồng khai thác tuyến xe buýt của TTQL&ĐHVTHKCC do khách quan như ùn tắc giao thông, điều chỉnh giao thông, tai nạn, hư hỏng đột xuất...

4. Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về vận chuyển khách bằng xe ô tô; về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị của Luật Giao thông đường bộ. Chịu trách nhiệm chính về đảm bảo chất lượng vận chuyển cho hành khách theo các điều khoản của hợp đồng khai thác tuyến xe buýt.

5. Được quyền từ chối vận chuyển đối với hành khách cố tình vi phạm nội quy đi xe buýt.

6. Người trực tiếp điều hành hoạt động vận tải của doanh nghiệp phải có trình độ chuyên môn chuyên ngành vận tải từ trung cấp trở lên.

7. Phổ biến, hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt thực hiện đúng nội dung nêu trong Quy định này. Cử nhân viên điều hành để đảm bảo hoạt động tuyến.

8. Doanh nghiệp khi tuyển dụng, tiếp nhận lái xe buýt mới, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải căn cứ các tiêu chuẩn tại Điều 9 Quy định này để xét tuyển. Sau khi tuyển dụng phải ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ Luật Lao động. Các trường hợp tuyển dụng mới và chấm dứt hợp đồng lao động đều phải thông báo cho TTQL&ĐHVTHKCC biết về hồ sơ cá nhân, bố trí công việc của họ vào tuyến xe cụ thể để theo dõi quá trình hành nghề, các thông tin về khen thưởng, kỷ luật, lý do chấm dứt hợp đồng lao động.

9. Không được bố trí nhân viên phục vụ trên xe buýt chưa qua đào tạo hoặc chưa có giấy chứng nhận tập huấn và không đảm bảo sức khỏe theo quy định.

Trường hợp do khách quan như giấy chứng nhận cấp chậm, chưa có lớp đào tạo, doanh nghiệp phải báo cáo danh sách nhân viên phục vụ trên xe buýt cho TTQL&ĐHVTHKCC biết và chưa xử lý các trường hợp này.

Không tiếp nhận vào làm việc tại doanh nghiệp mình các nhân viên phục vụ trên xe buýt nằm trong danh sách do TTQL&ĐHVTHKCC thông báo đã bị chấm dứt quan hệ lao động, bị sa thải từ các doanh nghiệp khác vì vi phạm quy định về hoạt động xe buýt.

10. Thực hiện báo cáo đúng quy định theo yêu cầu của TTQL&ĐHVTHKCC.

11. Phát hiện và báo kịp thời cho TTQL&ĐHVTHKCC về tình trạng hư hỏng kết cấu hạ tầng xe buýt trên tuyến, về tình hình an ninh trật tự trên tuyến.

12. Quản lý và sử dụng đúng quy định của Nhà nước số tiền trợ giá, phối hợp với TTQL&ĐHVTHKCC quyết toán trợ giá theo đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán.

13. Tiếp nhận, giải quyết các phản ánh, góp ý của hành khách và người dân.

## **Chương VII**

### **QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA KHÁCH ĐI XE BUÝT**

#### **Điều 18. Quyền lợi của hành khách**

1. Khi đi lại bằng phương tiện xe buýt trên những tuyến xe buýt được thành phố trợ giá, hành khách được Nhà nước hỗ trợ chi phí thông qua việc quy định giá vé phù hợp với mức thu nhập chung của người dân thành phố. Trẻ em cao từ 1,3 mét trở xuống được miễn mua vé trên tất cả các tuyến xe buýt do thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Người khuyết tật được cấp thẻ đi xe buýt miễn phí trên tất cả các tuyến xe buýt do Sở Giao thông vận tải cấp theo danh sách của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Yêu cầu nhân viên phục vụ trên xe buýt đưa vé xe buýt hoặc hành khách tự nhận vé xe buýt khi đã trả tiền.

3. Hành khách được mang theo 10 kg hành lý xách tay không phải trả tiền cước. Trường hợp hành lý trên 10 kg thì thu tiền bằng 1 vé, riêng hành lý cồng kềnh thì mỗi phân diện tích chiếm chỗ trên 0,10 m<sup>2</sup> thì thu thêm tiền bằng 1 vé.

4. Được cung cấp miễn phí các thông tin về xe buýt.

5. Được yêu cầu bồi thường thiệt hại về vật chất đối với những thiệt hại do lái xe hoặc nhân viên phục vụ trên xe buýt gây ra theo quy định của pháp luật.

6. Được yêu cầu xử lý và được công bố kết quả xử lý các khiếu nại về các hành vi vi phạm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

7. Được góp ý về những ưu - khuyết điểm trong quá trình đi xe buýt qua các kênh thông tin.

#### **Điều 19. Nghĩa vụ của hành khách**

1. Hành khách đi xe buýt chuẩn bị tiền lẻ, phải mua vé và phải xuất trình vé khi có yêu cầu kiểm soát; không được sử dụng các loại vé không hợp pháp.

2. Hành khách đi xe phải chấp hành nội quy đi xe buýt, sự hướng dẫn của lái xe,

nhân viên phục vụ trên xe, đảm bảo an toàn trật tự trên xe. Giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe buýt cho khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ. Trường hợp hành khách vi phạm nội quy, làm thiệt hại đến người đi trên xe thì xử lý theo quy định pháp luật.

3. Hành khách đi xe giữ vệ sinh trên xe buýt và tại các điểm dừng, đỗ, nhà chờ xe buýt; không mang theo những hàng bị cấm vận chuyên, hàng tanh hôi, lây nhiễm, súc vật, chất dễ cháy nổ.

## **Chương VIII**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

#### **Điều 20. Giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp giữa doanh nghiệp và TTQL&ĐHVTHKCC được giải quyết trên cơ sở hòa giải do Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì; trường hợp không chấp nhận kết quả hòa giải, các bên liên quan được quyền đưa vụ việc ra Tòa kinh tế xét xử.

## **Chương IX**

### **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 21. Khen thưởng**

Các cơ quan, tổ chức quản lý tuyến, doanh nghiệp, cá nhân có đóng góp tích cực vào phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, thu hút được người dân đi xe buýt, tăng số lượng hành khách vận chuyên, thì được khen thưởng theo quy định Nhà nước.

#### **Điều 22. Xử lý vi phạm**

1. Đối với cán bộ, nhân viên ngành giao thông vận tải không thực hiện đủ, đúng nhiệm vụ được quy định tại Quy định này sẽ bị xử lý theo Luật Cán bộ, công chức và Bộ Luật Lao động.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm về thanh tra, kiểm tra hoặc lợi dụng thanh tra, kiểm tra để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của tuyến xe buýt, ngoài việc bị xử lý theo Pháp lệnh Xử phạt vi phạm hành chính còn bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật.



3. Hành khách và cá nhân vi phạm nội quy như mua bán trên xe, không mua vé xe buýt, xả rác trên xe hoặc gây mất trật tự và các hành vi khác đối với hành khách trên xe buýt thì bị xử lý, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

## **Chương X**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 23. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ vào nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị mình, các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức đoàn thể liên quan có trách nhiệm lập kế hoạch tổ chức thực hiện Quy định này.

#### **Điều 24. Chế độ báo cáo**

Giao Sở Giao thông vận tải theo dõi tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện Quy định này, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý các vướng mắc, nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong quá trình thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2010/CT-UBND

*Quận 4, ngày 17 tháng 3 năm 2010*

### **CHỈ THỊ**

#### **Về công tác ứng phó bão đổ bộ vào địa bàn quận 4**

Trong những năm gần đây, sự biến đổi khí hậu toàn cầu đã làm cho tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn diễn biến bất thường và ngày càng phức tạp, gây ra nhiều tác hại nguy hiểm, tác động trực tiếp đến nước ta nói chung và thành phố, quận 4 nói riêng. Trước những dự báo về tình hình lụt, bão, thiên tai sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường và để chủ động ứng phó kịp thời khi có bão đổ bộ trực tiếp, gây ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của Nhà nước, của nhân dân và các hoạt động kinh tế, xã hội trên địa bàn quận 4;

Ủy ban nhân dân quận 4 chỉ thị:

**1. Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các kế hoạch, phương án phòng, chống lụt, bão, thiên tai đã được phê duyệt theo quy định. Trọng tâm là:**

a) Thực hiện tốt phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ) và “ba sẵn sàng” (chủ động phòng tránh; đối phó kịp thời; khắc phục khẩn trương và có hiệu quả) theo Điều 3 của Quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

b) Chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, trang bị, vật tư, hậu cần... để kịp thời ứng phó trước, trong và sau bão; đảm bảo sự vận hành phối hợp tốt giữa các lực lượng trong hệ thống chính trị.

2. Công an quận triển khai các phương án tổ chức bảo vệ an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận trước, trong và sau khi bão xảy ra.

3. Ban Chỉ huy Quân sự quận tổ chức triển khai kế hoạch phối hợp với Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng Cửa khẩu Cảng Sài Gòn, Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy trên sông, Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận, Quận đoàn, Công ty Dịch vụ Công ích quận để chuẩn bị lực lượng, bố trí cán bộ, chiến sĩ, huy động các phương tiện, trang thiết bị như tàu, canô, xe tải, thiết bị thông tin liên lạc, nhà bạt, phao cứu sinh, nệm hơi... và các trang thiết bị chuyên dụng khác để tham gia sơ tán, di dời dân, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

4. Phòng Kinh tế quận triển khai kế hoạch phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quận tổ chức cung ứng, hàng hóa, chất đốt, lương thực thực phẩm thiết yếu, phương tiện vận chuyển người dân phải đi sơ tán, di dời tránh bão, cứu hộ nhân dân vùng bị thiệt hại, không để người dân thiếu đói.

5. Phòng Y tế quận, Trung tâm Y tế Dự phòng quận, Hội Chữ thập đỏ quận triển khai phương án huy động lực lượng y, bác sĩ, chuẩn bị cơ sở thuốc, phương tiện, vật tư, thiết bị cần thiết để đáp ứng nhu cầu cứu thương và khắc phục hậu quả, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, cứu tế nhân dân và xử lý vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh.

6. Ủy ban nhân dân 15 phường, Ban Chỉ huy Phường, chống lụt, bão phường tổ chức triển khai phương án phòng, tránh, ứng phó bão đã được Ủy ban nhân dân phường phê duyệt. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến các nhiệm vụ sau:

a) Xác định địa điểm, khu dân cư, số hộ dân, số dân phải di dời, sơ tán.

b) Chủ động liên hệ với các chủ phương tiện cơ giới trên địa bàn để kịp thời huy động, trưng dụng phương tiện khi cần thiết. Tính toán chi tiết việc huy động lực lượng, phương tiện cơ giới để di dời dân nhanh chóng, an toàn hoặc để người dân tự di chuyển đến các địa điểm trú ẩn thuận tiện nhất khi có sự cố xảy ra.

c) Tại các địa điểm tránh, trú bão phải chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, nước uống, điều kiện sinh hoạt, vệ sinh cho người dân, bảo đảm không để dịch bệnh xảy ra trong và sau bão. Tổ chức bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân.

d) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân về công tác phòng, tránh, ứng phó bão, chằng chống nhà cửa; đồng thời yêu cầu các doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường thực hiện phương án phòng, tránh, ứng phó bão của từng doanh nghiệp.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị

và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường tổ chức và chấp hành nghiêm túc chế độ trực 24/24 giờ; đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo về tình hình lụt, bão, thiên tai xảy ra về Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận (thông qua Phòng Quản lý Đô thị quận - cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận).

**8.** Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đóng trên địa bàn quận có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả do lụt, bão, thiên tai trong phạm vi đơn vị mình. Đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vật tư cần thiết tham gia tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả của lụt, bão, thiên tai theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận và Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận nhằm giảm thiệt hại đến mức thấp nhất khi có bão đổ bộ vào địa bàn quận.

**9.** Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Yêu cầu các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Đạt**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2010/CT-UBND

*Quận 4, ngày 17 tháng 3 năm 2010*

## **CHỈ THỊ**

### **Về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn quận 4**

Trong những năm gần đây, sự biến đổi khí hậu toàn cầu đã làm cho tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn diễn biến bất thường và ngày càng phức tạp, gây ra nhiều tác hại nguy hiểm, tác động trực tiếp đến nước ta nói chung và thành phố, quận 4 nói riêng. Tuy không trực tiếp chịu sự tác động của bão, lụt, nhưng năm 2009 trên địa bàn quận đã xảy ra nhiều đợt triều cường xấp xỉ và vượt mức báo động cấp 3 gây ngập úng ở nhiều khu dân cư, ảnh hưởng không ít đến đời sống sinh hoạt của nhân dân. Dự báo trong năm 2010 tình hình lụt, bão, thiên tai sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường.

Để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời và có hiệu quả, hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do lụt, bão, thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của quận 4;

Ủy ban nhân dân quận 4 chỉ thị:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch UBND 15 phường tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 5745/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chương trình hành động thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

Ngay từ đầu năm 2010, tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo điều hành phòng, chống, ứng phó với lụt, bão, thiên tai năm 2009, rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống, ứng phó với lụt, bão, thiên tai năm 2009, phát huy những kết quả đạt được, đồng thời làm rõ những nguyên nhân,

những mặt hạn chế, yếu kém để có biện pháp khắc phục ngay trước mùa mưa bão năm 2010. Trong đó, chú trọng nâng cao năng lực điều hành, chỉ huy thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó với lụt, bão, thiên tai ngay tại cơ sở.

2. Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận tiếp tục thực hiện củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động; phân công nhiệm vụ cụ thể để các thành viên làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, triển khai đạt hiệu quả các biện pháp phòng, chống lụt, bão, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Song song đó, tập trung thực hiện các nội dung công việc sau:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Ủy ban nhân dân 15 phường thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; đôn đốc, kiểm tra các phường có các công trình phòng, chống triều cường, sạt lở bờ sông; thực hiện điều chỉnh, bổ sung Phương án phòng, tránh, ứng phó khi bão đổ bộ trực tiếp vào địa bàn quận; xây dựng và triển khai thực hiện Phương án chủ động phòng, chống và ứng phó với tình trạng ngập úng do mưa lớn, triều cường xảy ra.

b) Chủ trì phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận rà soát, kiểm tra, thống kê các phương tiện, trang thiết bị phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hiện có của quận và đề xuất Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão thành phố đầu tư bổ sung số lượng, chủng loại cần thiết theo nhu cầu trong năm 2010 để thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ); “ba sẵn sàng” (chủ động phòng tránh; đối phó kịp thời; khắc phục khẩn trương và có hiệu quả) theo Điều 3 của Quy định về công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

c) Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Phòng Tư pháp quận tổ chức tập huấn về kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ và các quy định của pháp luật đối với công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cho thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão, cán bộ, chuyên viên, các cơ quan, đơn vị thuộc quận và phường vào quý II năm 2010.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn phòng, chống lụt, bão, thiên tai cho

cộng đồng dân cư để người dân luôn có ý thức chủ động phòng, chống ứng phó đạt hiệu quả ngay khi có cảnh báo của cơ quan chức năng.

đ) Tổ chức phân công, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện thu, nộp, quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão tại địa phương theo quy định hiện hành.

**3.** Ban Chỉ huy Quân sự quận chủ trì, phối hợp với Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng Cửa khẩu Cảng Sài Gòn, Công an quận, Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận và các cơ quan, đơn vị có liên quan điều chỉnh, bổ sung phương án tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, ứng phó với từng loại thiên tai, tình huống, cấp độ thiệt hại để tổ chức thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ đạt hiệu quả khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra.

- Phối hợp với Phòng Quản lý Đô thị quận (cơ quan Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận), Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng Cửa khẩu Cảng Sài Gòn, Công an quận, Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quận, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị liên quan tổ chức diễn tập công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trong quý III năm 2010.

**4.** Công an quận lập kế hoạch bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội tại các khu vực bị thiệt hại; huy động lực lượng, phương tiện trang thiết bị trực tiếp tham gia cứu hộ, cứu nạn, đảm bảo an toàn giao thông và an ninh trật tự trong thời gian xảy ra bão, lụt, thiên tai.

**5.** Phòng Quản lý Đô thị quận có kế hoạch tổ chức phối hợp với Khu Quản lý Giao thông đô thị thực hiện chương trình phòng, chống ứng ngập nội thị trong mùa mưa, mùa triều cường lồng ghép với chương trình chỉnh trang đô thị và nâng cấp hẻm; thường xuyên nạo vét hệ thống cống thoát nước trên địa bàn, thực hiện các biện pháp bảo vệ cây xanh không bị ngã đổ, gãy nhánh gây tai nạn.

- Phối hợp với Công an quận, Ủy ban nhân dân các phường 1, 3 và 15 kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo an toàn tại các bến đò ngang. Tổ chức tuyên truyền, vận động thực hiện các quy định về an toàn giao thông đường thủy nội địa; nâng cao ý thức tự giác mặc áo phao khi tham gia giao thông trên phương tiện thủy; thực hiện phân luồng, điều phối giao thông khi lụt, bão, thiên tai xảy ra; cấm biển báo tại các tuyến đường nguy hiểm, bị ngập sâu để người dân biết, hạn chế đi lại và tránh ùn tắc giao thông.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân 15 phường, Công an quận, Thanh tra Xây dựng quận và các cơ quan chức năng thành phố tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các

phương tiện thủy neo đậu trái phép làm hư hỏng công trình phòng, chống lụt, bão; xử lý các trường hợp lấn chiếm hành lang bảo vệ bờ và lòng sông, kênh, rạch gây sạt lở, bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy.

- Kiểm tra, cảnh báo các chủ đầu tư không để xảy ra đổ sập giàn dáo, cần cẩu tại các công trình đang thi công gây tai nạn, đảm bảo an toàn cho các nhà ở.

- Khảo sát, xây dựng các phương án sửa chữa, nâng cấp các chung cư cũ, xuống cấp nhằm tránh đổ sập và hạn chế thiệt hại khi xảy ra lụt, bão, động đất...

- Phổ biến, hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn thiết kế, xây dựng các công trình, nhà ở, chung cư nhằm có khả năng chịu được gió, bão, lốc xoáy có cường độ cao.

**6. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tăng cường quản lý, xử lý nghiêm các trường hợp đổ rác, xả bần xuống kênh rạch làm thay đổi, tắc nghẽn dòng chảy, đồng thời phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân các tình huống và biện pháp ứng phó khi xảy ra động đất, sóng thần.**

**7. Phòng Văn hóa và Thông tin quận chủ trì phối hợp với Trung tâm Văn hóa quận và các cơ quan chức năng tổ chức phổ biến kịp thời các thông tin dự báo, các chủ trương, chính sách, các biện pháp phòng ngừa thiên tai, các phương án, kế hoạch hướng dẫn người dân ứng phó với các sự cố có thể phát sinh khi có thời tiết xấu, thiên tai bất thường.**

- Thực hiện thông báo, khuyến cáo, yêu cầu các doanh nghiệp quảng cáo thực hiện chằng chống, gia cố các pa-nô, biển quảng cáo... đúng kỹ thuật do ngành xây dựng quy định nhằm đảm bảo an toàn khi có bão, lốc xoáy, gió giật.

**8. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng và Hội Chữ thập đỏ quận triển khai kế hoạch huy động lực lượng y, bác sĩ chuẩn bị đủ phương tiện, vật tư, thiết bị, cơ số thuốc điều trị cần thiết để ứng nhu cầu cứu thương và khắc phục hậu quả, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, cứu tế nhân dân, vệ sinh phòng dịch kịp thời.**

**9. Phòng Kinh tế quận thông báo kịp thời cho các tổ chức kinh tế và hướng dẫn, kiểm tra công tác phòng, chống đối với các kho bãi, chợ trọng yếu; xây dựng phương án cung ứng hàng hóa, vật tư, lương thực cho vùng bị thiên tai; không để xảy ra khan hiếm hàng hóa giả tạo, gây biến động giá.**

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quận tổ chức vận động trợ giúp hàng hóa, chất đốt, lương thực thực phẩm thiết yếu, phương tiện vận chuyển cho người dân phải sơ tán, di dời tránh bão, cứu trợ nhân dân khu vực bị thiệt hại, không để người dân thiếu đói.



**10.** Ủy ban nhân dân các phường rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các Phương án phòng, tránh, ứng phó lụt, bão, thiên tai; tổ chức kiểm tra, cập nhật các địa điểm xung yếu, vị trí an toàn, số hộ dân, số dân phải sơ tán, di dời khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra; hiệp đồng với các chủ phương tiện cơ giới trên địa bàn để kịp thời huy động, trưng dụng phương tiện khi cần thiết; tính toán chi tiết việc huy động lực lượng, phương tiện cơ giới để di dời dân nhanh chóng, an toàn hoặc hướng dẫn người dân chủ động di chuyển đến nơi trú ẩn an toàn, thuận tiện nhất khi có thiên tai xảy ra. Tại các địa điểm tạm cư phải tổ chức chu đáo, chuẩn bị đầy đủ lương thực, thực phẩm, nước uống, điều kiện sinh hoạt, vệ sinh cho người dân.

- Thành lập các tổ, đội xung kích, tình nguyện làm công tác ứng cứu, phòng, chống lụt, bão, thiên tai tại các phường. Tạo điều kiện để các thành viên được tham dự các lớp huấn luyện nghiệp vụ do quận tổ chức.

**11.** Phòng Tài chính và Kế hoạch quận tham mưu UBND quận ban hành quy định về quản lý, thu nộp, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống lụt, bão quận, phường.

**12.** Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn quận có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả do lụt, bão, thiên tai trong phạm vi đơn vị mình. Đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị vật tư cần thiết tham gia phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận và Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt bão quận. Cụ thể là:

a) Bưu điện quận thường xuyên kiểm tra hệ thống thông tin bảo đảm cho mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng, chống lụt, bão, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống.

b) Điện lực Tân Thuận thực hiện bảo vệ hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, công trình điện lực; đồng thời xử lý, khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, đảm bảo cung cấp ổn định, liên tục; chuẩn bị máy phát điện dự phòng khi quận bị ảnh hưởng của lụt, bão, thiên tai.

c) Công ty Cổ phần cấp nước Nhà Bè có phương án đảm bảo an toàn hệ thống cấp nước sạch cho quận; dự kiến các phương án tổ chức cung cấp nước sạch kịp thời cho người dân tại các khu vực bị mất nguồn nước.

**13.** Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường tổ chức trực ban nghiêm túc, đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo, đặc biệt là khi có lụt, bão, thiên tai xảy ra về Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận (thông qua Phòng Quản lý Đô thị quận - cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận).

**14.** Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Yêu cầu các thành viên Ban Chỉ huy Phòng, chống lụt, bão quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận; Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tiến Đạt**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2010/QĐ-UBND

*Tân Phú, ngày 15 tháng 3 năm 2010***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động  
của Thanh tra quận Tân Phú****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCT-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 196/TTr-NV ngày 03 tháng 3 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Phú.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 02/QĐ-UB ngày 15 tháng 01 năm 2004 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Phú.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Chánh Thanh tra quận, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Hạnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN TÂN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Phú**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2010/QĐ-UBND  
ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú)*

### **Chương I** **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

##### 1. Vị trí

Thanh tra quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

Thanh tra quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố.

##### 2. Chức năng

Thanh tra quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác: thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

### **Chương II** **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Thanh tra quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị về công tác thanh

tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức phường.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

6. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho các Ban Thanh tra nhân dân phường.

7. Về thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân phường, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của nhiều Ủy ban nhân dân phường, nhiều cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra quận và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

8. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng cường

công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khi được giao;

d) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị người đã giải quyết xem xét, giải quyết lại theo quy định;

đ) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

#### 9. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng;

c) Quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập; tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

11. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra quận.

12. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại,

tổ cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Thanh tra thành phố.

13. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

14. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

### **Chương III** **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

#### **Điều 3. Tổ chức bộ máy**

1. Thanh tra quận có Chánh Thanh tra và không quá 03 Phó Chánh Thanh tra.

a) Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra quận, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

b) Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra quận phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra quận và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo đề nghị của Chánh Thanh tra.

c) Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra quận thực hiện theo quy định của pháp luật.



2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về thanh tra trên địa bàn quận có: thanh tra viên, chuyên viên nghiệp vụ, cán sự, nhân viên trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Thanh tra quận có thể sử dụng nhân viên hợp đồng và cộng tác viên để phục vụ công tác thanh tra.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực công chức, Thanh tra quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Thanh tra.

#### **Điều 4. Biên chế**

Căn cứ vào khối lượng công việc và tính chất đặc thù, phức tạp của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tình hình cán bộ cụ thể, Ủy ban nhân dân quận bố trí biên chế cho Thanh tra quận cho phù hợp, đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế hành chính của Thanh tra quận do Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

### **Chương IV**

## **CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 5. Chế độ làm việc**

1. Chánh Thanh tra quận phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh

tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

### **Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp**

1. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

### **Điều 7. Mối quan hệ công tác**

1. Đối với Thanh tra thành phố:

Thanh tra quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Chánh Thanh tra thành phố.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Thanh tra quận chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ, Thanh tra quận phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Thanh tra quận và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Thanh tra quận chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra quận tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra quận quản lý.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 8.** Căn cứ Quy chế này, Chánh Thanh tra quận có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để xây dựng quy chế làm việc của cơ quan, trong đó có phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức của cơ quan cho phù hợp với trình độ, năng lực nhằm hoàn thành có hiệu quả các mặt công tác được giao.

**Điều 9.** Chánh Thanh tra và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra sau khi được Ủy ban nhân dân quận ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Văn Hạnh**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**